

Số: 508 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc
sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc”;

Căn cứ Quyết định số 2979/QĐ-BKHCN ngày 14/10/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1028/TTr-SKHCN ngày 14/10/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 50.8 /QĐ-UBND ngày 02/12/2021
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục tiêu

Triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Bắc Ninh.

Thống nhất nguyên tắc, phương thức truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng, tính an toàn của sản phẩm, hàng hóa; nhận diện và truy xuất được nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, trong đó chú trọng các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh, kiểm soát chặt chẽ các khâu của quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm,... góp phần bảo vệ sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng, lợi ích hợp pháp của người sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm, giúp người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm, hàng hóa có chất lượng, đúng nguồn gốc xuất xứ.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức và trách nhiệm thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; về quản lý Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ truy cập: <http://check.bacninh.gov.vn>

3. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa đã có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc hoặc có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; tham gia các hoạt động truy xuất nguồn gốc - kết nối cung cầu hàng hóa tỉnh Bắc Ninh.

b) Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Hệ thống truy xuất nguồn gốc) bao gồm hoạt động định danh sản phẩm, thu thập và lưu trữ thông tin về trạng thái của sản phẩm theo thời gian và địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và tính an toàn của sản phẩm. Trong đó gồm các hoạt động nhằm thực hiện việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa và các hoạt động quản lý Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Bắc Ninh.

2. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là một giải pháp cho người dùng truy xuất, tìm hiểu về thông tin nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, hàng hóa, truy ngược từ sản phẩm, hàng hóa đang được bày bán trên kệ hàng về nơi sản xuất ban đầu, rà soát từng công đoạn trong sản xuất, chế biến và phân phối. Trong đó bao gồm các hoạt động giám sát, xác định được một đơn vị sản phẩm hoặc dịch vụ qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh.

3. Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc) là phần mềm Hệ thống thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc - kết nối cung cầu hàng hóa tỉnh Bắc Ninh (<http://check.bacninh.gov.vn>), để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc, cung cầu sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở kết nối thông tin với hệ thống truy xuất nguồn gốc của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất,...

Chương II

NGUYÊN TẮC, HÌNH THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 3. Nguyên tắc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải bảo đảm các nguyên tắc chung theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850:2019, gồm:

1. Nguyên tắc “Một bước trước - một bước sau”: Để bảo đảm khả năng giám sát, nhận diện được công đoạn sản xuất, kinh doanh trước và công đoạn sản xuất, kinh doanh tiếp theo trong quá trình sản xuất kinh doanh đối với một sản phẩm.

2. Nguyên tắc “sẵn có của phân tử dữ liệu chính”: Các phân tử dữ liệu chính phải được thu thập, lưu trữ và cập nhật kịp thời trong các báo cáo thông tin chi tiết về các sự kiện quan trọng trong quá trình sản xuất sản phẩm và chuỗi cung ứng.

3. Nguyên tắc “minh bạch”: Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đạt yêu cầu về tính minh bạch tối thiểu bằng cách sử dụng dữ liệu tĩnh về khách hàng, bên cung ứng, sản phẩm và các điều kiện sản xuất.

4. Nguyên tắc “có sự tham gia đầy đủ của các bên truy xuất nguồn gốc”: Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải có sự tham gia của đầy đủ các bên truy xuất nguồn gốc của tổ chức.

Điều 4. Hình thức truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa

1. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa hình thức tự nguyện: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi tự phát hiện hoặc nhận được thông tin của tổ chức, cá nhân về sản phẩm không bảo đảm an toàn.

2. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa hình thức bắt buộc: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm không bảo đảm an toàn khi có yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 5. Yêu cầu về thông tin của hệ thống truy xuất nguồn gốc

Khi thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm cơ sở sản xuất, kinh doanh phải ghi chép, lưu trữ các thông tin sau:

1. Đối với cơ sở sản xuất

a) Thông tin về cơ sở sản xuất:

- Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Số đăng ký/ số giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước cấp (nếu có);
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng (nếu có).

b) Thông tin về lô sản phẩm, hàng hóa:

- Tên sản phẩm hàng hóa;
- Số lô sản xuất;
- Số lượng sản phẩm sản xuất;
- Ngày sản xuất - Hạn sử dụng (nếu có);
- Mã nhận diện (nếu có);
- Thành phần/ nguyên liệu/ phụ liệu: Tên, nguồn gốc, xuất xứ;
- Bao bì, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm, hàng hóa: Tên, nguồn gốc, xuất xứ.

c) Số lượng sản phẩm, hàng hóa đã xuất kho, còn tồn kho; số lượng sản phẩm, hàng hóa bị hủy hoặc trả về vì không đạt; tên, địa chỉ của đối tượng nhập, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với cơ sở kinh doanh, phân phối sản phẩm, hàng hóa

- Thông tin cơ sở kinh doanh, phân phối sản phẩm, hàng hóa: Tên, địa chỉ, số điện thoại, mã số thuế; mã QR (nếu có); phạm vi kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh);

- Tên, địa chỉ của cơ sở cung cấp sản phẩm, hàng hóa nhập;

- Thông tin về chủng loại, số lượng sản phẩm, hàng hóa đã nhập, đã bán, còn tồn.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa

1. Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, lưu giữ đầy đủ thông tin về lô sản phẩm hàng hóa, nguồn gốc, xuất xứ, an toàn sản phẩm, nguyên liệu, quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

2. Lưu trữ thông tin, dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của cơ sở, bảo đảm thuận lợi cho việc tra cứu. Thời gian lưu trữ hồ sơ tối thiểu phải lớn hơn hạn sử dụng của sản phẩm để phục vụ truy ngược khi xảy ra sự cố; đối với dụng cụ, vật liệu chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm là 24 tháng.

3. Báo cáo kết quả truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa không bảo đảm an toàn thực phẩm về cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo mã nhận diện sản phẩm khi có yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với thông tin khai báo, đăng tải trên hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chức năng quản lý truy xuất nguồn gốc

Các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và phê duyệt hồ sơ đăng ký thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Quy chế này.

Đối với những sản phẩm, hàng hóa đã được quy định Tiêu chuẩn, Quy chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc, các cơ quan chức năng có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc theo Tiêu chuẩn, Quy chuẩn quốc gia đã quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Điều 8. Nguyên tắc quản lý Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc

1. Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc phải được công khai, minh bạch và phổ biến trên toàn tỉnh Bắc Ninh. Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống truy xuất nguồn gốc, bảo đảm tích hợp thông suốt với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

2. Thường xuyên cập nhật, nâng cấp Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc bảo đảm kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc của các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, đơn vị cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc phổ biến tại Việt Nam. Bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trong nước và quốc tế, với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin khác có liên quan.

3. Có quy trình truy xuất nguồn gốc rõ ràng, phù hợp với từng đối tượng sản phẩm, hàng hóa; bảo đảm đầy đủ các thông tin truy xuất nguồn gốc và các thông tin, kiến thức cần thiết về cung - cầu sản phẩm, hàng hóa.

4. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được cấp một tài khoản tại Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc nhằm quản lý toàn bộ hoạt động truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 9. Quy định chung về hồ sơ đăng tải

Các sản phẩm, hàng hóa khi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy chế này.

Điều 10. Trình tự thủ tục đăng tải và truy xuất nguồn gốc

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, hộ gia đình (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất) nộp hồ sơ trực tuyến để đăng ký truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh.

2. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện trực tiếp quản lý (sau đây gọi chung là cơ quan chủ quản), tiếp nhận hồ sơ sản phẩm, hàng hóa do cơ sở sản xuất đăng ký và xem xét thông tin, nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm. Nếu sản phẩm đáp ứng các yêu cầu theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ đăng ký truy xuất nguồn gốc và thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc.

3. Quy trình duyệt hồ sơ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đăng tải trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh bảo đảm các bước sau:

a) Bước 1: Cơ sở sản xuất thực hiện đăng ký tài khoản trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh, trong đó có các thông tin bắt buộc kê khai, đính kèm hồ sơ cơ sở sản xuất và sản phẩm, hàng hóa đăng ký hoạt động truy xuất nguồn gốc. Thành phần Hồ sơ đính kèm do cơ quan chủ quản quy định đối với từng sản phẩm, hàng hóa đăng ký truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đầy đủ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và phù hợp với từng đối tượng sản phẩm, hàng hóa theo các tiêu chuẩn hiện hành.

b) Bước 2: Cơ quan chủ quản thực hiện thẩm định và phê duyệt hồ sơ của cơ sở sản xuất đăng ký trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh.

c) Bước 3: Cơ sở sản xuất thực hiện cập nhật và tạo thông tin sản phẩm, hàng hóa lên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 của Quy chế này.

d) Bước 4: Tạo tem QR Code cho sản phẩm

- Cơ sở sản xuất tạo file tem QR Code cho sản phẩm và số lượng cần in trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh;

- Cơ quan chủ quản phê duyệt tem QR Code và số lượng in do cơ sở đăng ký trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh;

- Cơ sở sản xuất in và dán tem QR Code lên sản phẩm.

e) Bước 5: Truy xuất thông tin sản phẩm

- Người tiêu dùng, cơ quan quản lý có thể tra cứu thông tin về sản phẩm, hàng hóa trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc (<http://check.bacninh.gov.vn>);

- Người dùng tải App “bncheck” trên kho ứng dụng của điện thoại thông minh thực hiện quét QR Code truy xuất thông tin sản phẩm qua tem.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra; hàng năm tổng hợp báo cáo việc thực hiện Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng các văn bản, quy định về quản lý lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

c) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi, kết nối dữ liệu truy xuất với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

d) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,... cho đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ quan quản lý và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, thiết kế cải tiến để nâng cấp và mở rộng Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh, nhằm đáp ứng yêu cầu tích hợp với Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia và các đơn vị cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc phổ biến ở Việt Nam.

f) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị về mặt kỹ thuật trong việc cập nhật tin, bài, thông tin điện tử phục vụ truy xuất nguồn gốc - kết nối cung cầu hàng hóa; đồng thời tạo lập chuyên mục, chuyên trang, banner... trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc tỉnh Bắc Ninh.

g) Cung cấp cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tài khoản trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bắc Ninh để quản lý, cập nhật, lưu trữ, truy xuất cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của từng ngành.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là đơn vị được giao đầu mối kỹ thuật, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về quản lý hạ tầng, duy trì, vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc; bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin để Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc hoạt động ổn định, thông suốt.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc; nghiên cứu, thiết kế cải tiến để nâng cấp và mở rộng Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu thực tế.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, bổ sung, sửa đổi tên miền khi có yêu cầu; thông báo kịp thời tới các cơ quan, đơn vị liên quan khi có sự cố xảy ra đối với Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất và tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Quy chế; hướng dẫn các cơ quan liên quan lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

4. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành nắm tình hình, kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có tài khoản trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc

a) Xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể triển khai thực hiện Quy chế này. Tiếp nhận, quản lý và vận hành phần mềm quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc theo phân công, phân cấp. Thành lập Ban Quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, bố trí đủ nhân lực chuyên môn để quản trị tài khoản trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc.

b) Xác định danh mục sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý để triển khai truy xuất nguồn gốc bảo đảm các quy định trong quy chế này. Tập trung vào các sản phẩm, nhóm sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh; sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ; sản phẩm tham gia Chương trình OCOP của tỉnh; sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn thực phẩm, thân thiện môi trường, sản phẩm xuất khẩu và các sản phẩm đủ điều kiện (tiêu chuẩn) vào hệ thống siêu thị,...

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền về nội dung liên quan đến truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

e) Quản lý, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền. Thực hiện các chương trình về truy xuất nguồn gốc khác theo chỉ đạo của Bộ chủ quản.

f) Phối hợp chỉ đạo việc xây dựng, duy trì hoạt động và phát triển Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc. Tuân thủ các quy định về an toàn, an ninh thông tin, quản lý vận hành và đăng tin, bài trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc.

g) Xây dựng kế hoạch kinh phí hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở áp dụng truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý.

6. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cân đối ngân sách để bảo đảm kinh phí hoạt động, duy trì và phát triển Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc và các hoạt động phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trường hợp Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành mới các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn,... về hoạt động truy xuất nguồn gốc, điều chỉnh một hoặc một số nội dung của Quy chế này thì thực hiện theo các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

